

Bản án số: 101/2020/DS-PT

Ngày: 10 – 9 – 2020

*V/v tranh chấp quyền sử dụng đất*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Toàn.

*Các Thẩm phán:*

Ông Hồ Văn Phụng.

Ông Phan Lê Vũ Huy Hoàng.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Huỳnh Tấn Thành – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Ông Sơn Cươl – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2020/TLPT-DS ngày 20 tháng 7 năm 2020 về việc tranh chấp khoảng không.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2020/DS-ST ngày 05/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 99/2020/QĐ-PT ngày 03 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1958; địa chỉ: Số 175, ấp H, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Bà Trương Thị Hiền M, sinh năm 1988; địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 06/9/2020). (Có mặt).

**- Bị đơn:** Ông Đặng Văn Đ, sinh năm 1958; địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

*Người đại diện hợp pháp của bị đơn:* Ông Đặng Văn K, sinh năm 1976; địa chỉ: Ấp D, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 19/02/2020). (Có mặt).

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Đặng Văn K, sinh năm 1976 (Có mặt).

2. Ông Đặng Việt A, sinh năm 1981 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp D, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

3. Bà Đặng Thị Tú N, sinh năm 1983 (Vắng mặt).

4. Bà Đặng Thị Tú U, sinh năm 1995 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng

*Người đại diện hợp pháp của ông Khoa, bà Tú Nguyên, bà Tú Như:* Ông Đặng Văn K, sinh năm 1976; địa chỉ: Ấp D, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 28/02/2020 và ngày 13/5/2020). (Có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị O là nguyên đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- *Trong đơn khởi kiện đề ngày 29/7/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị O và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trương Hoàng T đều trình bày:*

Vào năm 2007, bà O có nhận chuyển nhượng của bà Phan Thị H một phần đất nền nhà, phần đất này đã được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Mỹ Xuyên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (QSDĐ) vào ngày 09/11/2007 thuộc thửa đất số 856, tờ bản đồ số 08, diện tích 94,5m<sup>2</sup> do bà O đứng tên. Khi nhận chuyển nhượng đất của bà H bà O đã cắm 02 cột mốc, khi bà O khởi kiện thì hai cột mốc này vẫn còn nhưng hiện nay đã bị mất. Đến năm 2019, bà O phát hiện ông Đặng Văn Đ có nhà giáp ranh với đất bà O coi nói thêm nhà và xây dựng lan can lấn chiếm khoảng không gian của bà O chiều ngang 1,2m, chiều dài 4,5m, diện tích 5,4m<sup>2</sup> trên phần đất thuộc thửa đất số 856, tờ bản đồ số 08, tọa lạc Ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Ngoài ra, vào ngày 18/11/2019 thì UBND huyện Mỹ Xuyên thu hồi đất của bà O để làm lộ, diện tích thu hồi là 37m<sup>2</sup>, như vậy chiều dài của thửa đất còn lại là 20,55m, chiều ngang 4,5m thì mới đủ theo Giấy chứng nhận QSDĐ của bà O. Nay bà O yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đ phải di dời tài sản xây dựng trên đất của bà để trả lại phần khoảng không gian đã lấn chiếm của bà O có chiều ngang 1,2m, chiều dài 4,5m.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Đ và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông A, bà U, bà N, đồng thời cũng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Văn K trình bày:*

Ông Đ có phần đất giáp ranh với đất của bà O tại các thửa đất số 863, 855, 854, 882, cùng tờ bản đồ số 08, cách đây khoảng 10 năm ông Đ có xây nhà và làm lan can trên phần đất giáp với đất bà O, khi đó trên lan can này che xung quanh bằng tol nhưng nay tol mục nên ông Đ xây bằng tường bê tông và phần trên bức tường có gắn lưới B40. Nay bà O khởi kiện yêu cầu ông Đ di dời tài sản để trả lại khoảng không gian cho bà O phía ông Đ không đồng ý, vì ông Đ không lấn chiếm khoảng không gian của bà O mà ông Đ chỉ xây dựng trên phần đất của ông Đ.

Sự việc đã được Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2020/DS-ST ngày 05/6/2020 đã quyết định:

Áp dụng khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 157, Điều 158, khoản 1 Điều 165, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; áp dụng Điều 175, Điều 176 Bộ luật Dân sự năm 2015; căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm đ khoản 1 Điều 12,

khoản 1 Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị O về việc yêu cầu bị đơn ông Đặng Văn Đ phải di dời tài sản xây dựng trên đất của bà để trả lại phần khoảng không gian có chiều ngang 1,2m, chiều dài 4,5m, diện tích 5,4m<sup>2</sup> tọa lạc tại thửa đất số 856, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại Ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng do bà Nguyễn Thị O đứng tên quyền sử dụng đất.

Ngoài ra, Bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/6/2020, nguyên đơn bà Nguyễn Thị O có đơn kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2020/DS-ST ngày 05/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng. Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà, buộc ông Đ phải di dời tài sản xây dựng trên đất của bà để trả lại phần khoảng không gian đã lấn chiếm có chiều ngang 1,2m, chiều dài 4,5m.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà O không rút đơn khởi kiện; không thay đổi, bổ sung hoặc rút đơn kháng cáo và cho rằng bà O nhận chuyển nhượng đất của bà H chiều ngang 4,5m, chiều dài 21m tính từ mốc giải phóng mặt bằng trở vào và việc cấp Giấy chứng nhận QSDĐ cho bà O là đúng; các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng là trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm thì Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng. Về nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định pháp luật có liên quan đề nghị HĐXX không chấp nhận nội dung kháng cáo của bà O và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Tại phiên tòa lần thứ hai, nguyên đơn bà Nguyễn Thị O có mặt, nhưng tiếp tục ủy quyền cho người đại diện hợp pháp tham gia phiên tòa; bị đơn ông Đặng Văn Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Việt A, bà Đặng Thị Tú N, bà Đặng Thị Tú U vắng mặt, nhưng có người đại diện hợp pháp tham gia phiên tòa; nên HĐXX căn cứ vào khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về người kháng cáo, nội dung, hình thức đơn kháng cáo và thời hạn kháng cáo của bà O là đúng quy định tại Điều 271, Điều 272 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo hợp lệ, được Tòa án chấp nhận và tiến hành xét xử phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[3] Theo đơn kháng cáo bà O cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không căn cứ vào hồ sơ từ cơ sở đưa lên để xét xử mà lấy kết quả đo đạc lần 2 trên tổng diện tích (Không lấy từ mốc giải phóng mặt bằng) mà cho rằng diện tích đất của bà đã đủ. Trong khi Hội đồng hòa giải tranh chấp đất đai xã Hòa Tú 1 và địa chính xã đã xác định rõ: Từ mốc giải phóng mặt bằng đến cột mốc đất của bà là 20,30m, so với diện tích trên giấy tờ của bà là 20,55m. Xét thấy, theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất không thể hiện ngày, tháng, có ghi năm 2018 để bồi thường tiền giải phóng mặt bằng cho bà O (BL số 72) xác định: Đất bà O có diện tích thực tế là  $128,3m^2$  là nhiều hơn so với Giấy chứng nhận của bà O là  $33,8m^2$  ( $128,3m^2 - 94,5m^2$  theo Giấy chứng nhận) và tính từ cột mốc giải phóng mặt bằng trở vào cạnh ở hướng đông có chiều dài là 19,75m, cạnh ở hướng tây có chiều dài là 20,28m, kết quả này là không chính xác. Bởi vì, theo Giấy chứng nhận cấp cho bà O tính từ cột mốc giải phóng mặt bằng trở vào thì chiều dài mỗi cạnh là 21m, ***năm 2018 giải phóng mặt bằng thêm diện tích  $37m^2$  (BL số 72) nên thu hồi cạnh ở hướng nam chiều dài 8,07m ( $1,62m + 6,45m$ ), thì chiều dài cạnh này chỉ còn lại 12,93m ( $8,07m - 21m$  theo Giấy chứng nhận được cấp), nhưng Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất để bồi thường cho bà O thể hiện chiều dài cạnh này còn lại 19,75m là không đúng và thu hồi cạnh ở hướng bắc chiều dài 8,35m ( $6,77m + 1,58m$ ), thì chiều dài cạnh này chỉ còn lại 12,65m ( $8,35m - 21m$  theo Giấy chứng nhận được cấp), nhưng Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất để bồi thường cho bà O thể hiện chiều dài cạnh này còn lại 20,28m thì cũng không đúng.*** Vì vậy, không thể dựa vào Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất không thể hiện ngày, tháng, có ghi năm 2018 để xác định chiều dài đất của bà O còn lại mà phải đối chiếu với hồ sơ cấp giấy và Giấy chứng nhận QSDĐ cấp cho bà O đối với thửa đất số 856, tờ bản đồ số 08 do UBND huyện Mỹ Xuyên cấp Giấy chứng nhận QSDĐ ngày 09/11/2007, diện tích  $94,5m^2$  (Được tách ra từ một phần của thửa đất số 827, tờ bản đồ số 08 do nhận chuyển nhượng của bà Phan Thị H), nhưng bà O không cung cấp được địa chỉ hiện nay của bà H, nên không thể xác minh đối với bà H để làm rõ đối với phần đất đã chuyển nhượng. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện hợp pháp của bà O xác định bà O nhận chuyển nhượng đất của bà H chiều ngang 4,5m, chiều dài 21m tính từ mốc giải phóng mặt bằng trở vào và việc cấp Giấy chứng nhận QSDĐ cho bà O là đúng. Theo đó, hồ sơ cấp Giấy chứng nhận QSDĐ cho bà O (BL từ số 74 – 89) có thể hiện phần đất bà O nhận chuyển nhượng của bà H có diện tích là  $94,5m^2$ , chiều ngang là 4,5m, chiều dài mỗi cạnh là 21m (Đã trừ phần đất giải phóng mặt bằng tính từ tim lộ trở vào là 13,5m). Thời điểm cấp Giấy chứng nhận cho bà O thì lộ nhựa có chiều ngang là 03m (BL số 11). Theo sơ đồ vị trí thửa đất ngày 24/02/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Mỹ Xuyên (BL số 129) thể hiện thửa đất số 856, tờ bản đồ số 08 thì chiều dài của cạnh hướng nam là 34,85m và chiều dài của cạnh hướng bắc là 35,5m; khi trừ đi phần đất giải phóng mặt bằng tính từ tim lộ trở vào là 13,5m thì cạnh hướng nam còn lại 21,35m và cạnh hướng bắc còn lại 22m. Như vậy, so với Giấy chứng nhận cấp cho bà O đối với thửa đất số 856, tờ bản đồ số 08 thì chiều dài đất của bà O không thiếu. Ngoài ra, sau khi kháng cáo bà O có yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng tiến hành thẩm định lại đối với thửa đất số 856, tờ bản đồ số 08, theo đó bà O xác định cột giải phóng mặt bằng là tại vị trí trụ ống tiếp 36 (Trên sơ đồ hiện trạng thửa đất ngày 04/9/2020), khi cắm trụ có địa chính xã chứng kiến, nhưng theo địa chính xã xác định không có chứng kiến việc cắm trụ này, nên không có căn cứ xác

định trụ ống tiếp 36 nằm tại vị trí cột giải phóng mặt bằng đã bị mất. Bên cạnh đó, qua khảo sát cột giải phóng mặt bằng gần đất tranh chấp xác định vị trí cột giải phóng mặt bằng tính từ mép lộ trở vào là 6,6m (Nếu tính từ tím lộ trở vào tới vị trí 6,6m thì chiều dài đoạn giải phóng mặt bằng sẽ là 15,275m, nhưng theo Giấy chứng nhận QSDĐ cấp cho bà O là 13,5m) thì chiều dài đất của bà O cũng không thiếu. **Do vậy, phần mặt đất gắn liền với khoảng không gian có tranh chấp không nằm trong thửa đất số 856, tờ bản đồ số 08 của bà O.** Còn đối với chiều ngang theo Giấy chứng nhận ghi 6,5m là do nhầm lẫn như nhận định tại mục [4] của Bản án dân sự sơ thẩm.

[4] Theo đơn kháng cáo bà O cho rằng Hội đồng hòa giải tranh chấp đất đai xã Hòa Tú 1 cũng đã kết luận phía ông Đ lấn chiếm phần trên không có số đo ngang 1,2m, dài 4,5m, diện tích 5,4m<sup>2</sup> trên phần đất của bà, nên đề nghị căn cứ vào kết quả của Hội đồng hòa giải tranh chấp đất đai xã Hòa Tú 1 để xét xử. Xét thấy, Hội đồng hòa giải tranh chấp đất đai xã Hòa Tú 1 kết luận phía ông Đ lấn chiếm phần trên không có số đo ngang 1,2m, dài 4,5m, diện tích 5,4m<sup>2</sup> trên phần đất của bà, nhưng không có chứng cứ gì để chứng minh cho việc kết luận trên, nên kết luận của Hội đồng hòa giải tranh chấp đất đai xã Hòa Tú 1 chỉ mang tính chất tham khảo, không phải là chứng cứ duy nhất để xem xét, giải quyết vụ án.

[5] Khi tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 04/9/2020, bà O cho rằng phần đất tranh chấp là do bà cho mẹ ông K tên Dương Thị Cẩm C mượn, còn phía ông K thì cho rằng không có việc này, bà O không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày của bà là có căn cứ và hợp pháp, nên không có căn cứ để HĐXX chấp nhận.

[6] Từ những nhận định tại mục [3], [4] và [5] nêu trên, có đủ cơ sở xác định phần đất tranh chấp không nằm trong thửa đất số 856, tờ bản đồ số 08 cấp cho bà O, nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà O là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 166 Luật Đất đai năm 2013; vì vậy, kháng cáo của bà O về việc yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà, buộc ông Đ phải di dời tài sản xây dựng trên đất của bà để trả lại phần khoảng không gian đã lấn chiếm có chiều ngang 1,2m, chiều dài 4,5m là không có căn cứ, nên không được HĐXX chấp nhận.

[7] Tại phần Quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm tuyên không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà O về việc yêu cầu bị đơn ông Đ di dời tài sản xây dựng trên đất của bà để trả lại phần khoảng không gian có chiều ngang 1,2m, chiều dài 4,5m, diện tích 5,4m<sup>2</sup>, nhưng không nêu tư cách của phần khoảng không gian không chấp nhận là chưa cụ thể, rõ ràng. Do đó, HĐXX phúc thẩm sẽ bổ sung cho đầy đủ.

[8] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ ở cấp phúc thẩm: Tổng chi phí số tiền 990.000 đồng, do kháng cáo của bà O không được chấp nhận, nên bà O phải chịu và đã nộp xong theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do Bản án dân sự sơ thẩm được giữ nguyên, nên bà O phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuy nhiên, bà O là người cao tuổi nên được miễn theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều

12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[10] Đối với lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm về việc đề nghị HĐXX không chấp nhận đơn kháng cáo của bà O và áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng là có căn cứ, nên được HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313, khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ khoản 5 Điều 166 Luật Đất đai năm 2013; căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị O.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2020/DS-ST ngày 05/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng về việc tranh chấp khoảng không. *Án tuyên như sau:*

- *Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị O về việc yêu cầu bị đơn ông Đặng Văn Đ phải di dời tài sản xây dựng trên đất của bà để trả lại phần khoảng không gian có chiều ngang 1,2m, chiều dài 4,5m, diện tích 5,4m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất số 856, tờ bản đồ số 08, tọa lạc Ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; phần khoảng không gian có số đo từ cạnh như sau: Hướng đông giáp đất bà Nguyễn Thị O, có số đo 4,50m. Hướng tây giáp đất ông Đặng Văn Đ, có số đo 4,50m. Hướng nam giáp đất ông Đặng Văn Đ, có số đo 1,2m. Hướng bắc giáp đất ông Đặng Văn Đ, có số đo 1,2m.*

*(Đính kèm sơ đồ vị trí ngày 24/02/2020 – BL số 129).*

- *Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị O được miễn toàn bộ.*

- *Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Tổng chi phí số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng), bà Nguyễn Thị O phải chịu và đã nộp xong.*

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị O được miễn toàn bộ.

4. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ ở cấp phúc thẩm: Tổng chi phí số tiền 990.000 đồng (Chín trăm chín mươi nghìn đồng), bà Nguyễn Thị O phải chịu và đã nộp xong.

5. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (*Được sửa đổi, bổ sung năm 2014*), thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện Mỹ Xuyên;
- Cục THADS tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Nguyễn Văn Toàn**